

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/DS-ST.

Ngày: 11/4/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Hào.

2- Bà Nguyễn Thị Vạn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 482/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2017/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim L**; sinh năm: 1971

Địa chỉ: Xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Chí H** là Luật sư của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Công H**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà **Nguyễn Thu V**; sinh năm: 1973

Địa chỉ: Xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Ông **Nguyễn Hồng V1**; sinh năm: 1971

Địa chỉ: Xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:

Năm 2016 bà có cho ông Huỳnh Công H vay số tiền là 750.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 04/6/2016 vay số tiền 200.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 16/6/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 01/10/2016 vay số tiền 500.000.000 đồng.

Cả 03 lần mượn tiền ông H và vợ là bà Nguyễn Thu V đều có ký giấy mượn nợ. Ông H hẹn 30 ngày sau (kể từ ngày 01/10/2016) sẽ trả hết số tiền đã vay. Nhưng đến nay ông H vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nào.

Nay bà yêu cầu ông H, bà V phải trả lại cho bà số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu ông H, bà V trả lãi.

Bà xác định không yêu cầu ông H, bà V trả khoản tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà ông H đã vay vào ngày 29/6/2016.

Dòng chữ “ngày 16-6-2016 Al tôi tên là Huỳnh Công H có mượn thêm số tiền là năm mươi triệu đồng trước sau là hai trăm năm mươi triệu đồng 250.000.000 đ” trong giấy mượn nợ ngày 04/6/2016 là chữ viết của chồng bà là ông Nguyễn Hồng V1.

Bị đơn ông Huỳnh Công H trình bày:

Bà Nguyễn Thu V là vợ của ông. Khoảng năm 2015, vợ chồng ông có vay của bà Lê Thị Kim L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng. Sau đó, vợ chồng ông tiếp tục vay thêm của bà L 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Trước khi vợ ông vào bệnh viện sinh con thì có hỏi vay thêm của bà L 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Do không có công việc ổn định, lãi suất đóng cho bà L quá cao nên vợ chồng ông mất khả năng đóng lãi nên vợ chồng ông tiếp tục hỏi vay tiền của bà L thêm nhiều lần nữa để trả tiền nợ gốc và lãi đã vay trước đó. Tính đến cuối năm 2015, vợ chồng ông nợ bà L tổng cộng tiền gốc và lãi là 250.000.000 đồng. Vợ chồng ông có xin bà L cho vợ chồng ông trả dần số tiền gốc và lãi nêu trên nhưng bà L không đồng ý và bắt vợ chồng ông ký giấy nợ và trả lãi mỗi ngày. Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả 750.000.000 đồng thì vợ chồng ông không đồng ý, vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ vì hiện nay gia đình ông rất khó khăn. Khi vợ chồng ông vay tiền lần sau thì bà L yêu cầu vợ chồng ông cộng dồn các khoản vay lại và viết giấy nợ mới, các giấy nợ của lần trước sẽ bị hủy bỏ, do đó ông không thể cung cấp cho Tòa án được.

Ông thừa nhận “Giấy mượn nợ” ngày 04/6/2016, ngày 16/6/2016, ngày 01/10/2016 âm lịch mà bà L xuất trình cho Tòa án đúng là do ông viết ra, đúng là chữ ký và dấu vân tay của ông và bà Nguyễn Thu V. Riêng dòng chữ “ngày 16-6-2016 Al tôi tên là Huỳnh Công H có mượn thêm số tiền là năm mươi triệu đồng trước sau là hai trăm năm mươi triệu đồng 250.000.000 đ” không phải là chữ viết của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng V1 trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị Kim L. Trong năm 2016, bà L có cho ông Huỳnh Công H vay số tiền là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 04/6/2016 vay số tiền 200.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 16/6/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 01/10/2016 vay số tiền 500.000.000 đồng.

Cả 03 lần vay tiền trên, vợ ông H là bà Nguyễn Thu V có ký vào giấy mượn nợ. Ông H hẹn 30 ngày sau kể từ ngày 01/10/2016 sẽ trả hết cho bà L số tiền trên nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Đây cũng là tài sản chung của ông và bà L, do đó ông cũng đề nghị Tòa án buộc ông H, bà Thu V trả số tiền trên cho vợ chồng ông, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Ông xác định không yêu cầu ông H, bà V trả khoản tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà ông H đã vay vào ngày 29/6/2016.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu V trình bày:

Bà là vợ của ông Huỳnh Công H. Bà thống nhất với lời trình bày nêu trên của ông H và chỉ đồng ý trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 500.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra bà không còn ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Công H trả nợ vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện việc gửi hồ sơ vụ án, giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh để Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự được quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 220, khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng V1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V1 là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L yêu cầu ông Huỳnh Công H, bà Nguyễn Thu V phải trả số tiền đã vay là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà L không yêu cầu ông H, bà V trả lãi.

[2.2]. Chứng cứ mà bà L đưa ra để làm cơ sở yêu cầu ông H, bà V trả số tiền trên là 02 (Hai) tờ giấy mượn nợ, gồm:

- *Tờ giấy thứ nhất*: “Giấy mượn nợ” đề ngày 4 tháng 6 năm 2016 với số tiền mượn là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Người mượn nợ ký, ghi họ tên là Huỳnh Công H, Nguyễn Thu V.

Phía dưới tờ giấy thứ nhất này còn ghi thêm dòng chữ như sau: “**ngày 16-6-2016 Âl tôi tên là Huỳnh Công H có mượn thêm số tiền là năm mươi triệu đồng trước sau là Hai Trăm năm mươi triệu đồng 250.000.000 đ**”. Sau đó ký, ghi họ tên là Huỳnh Công H, Nguyễn Thu V.

Phía sau của tờ giấy này có ghi: “**ngày 29-6-2016 Âl tôi tên là Huỳnh Công H SN 1970 có mượn thêm số tiền là năm triệu đồng trước sau là Hai Trăm năm Mười năm Triệu Đồng 255 000.000 đ**”.

Tờ giấy thứ hai: “Giấy mượn nợ” đề ngày 01 tháng 10 năm 2016 AL với số tiền mượn là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Người mượn nợ ký, ghi họ tên là Huỳnh Công H.

Tờ giấy này còn ghi thêm dòng chữ: “**Đúng 30 ngày sau tôi hoàn trả đủ**” và ký tên.

Các tờ giấy này do bà Lê Thị Kim L nộp cho Tòa án ngày 17/8/2017, được Thẩm phán thụ lý vụ án đối chiếu bản chính ngày 17/8/2017, ngày 23/01/2018.

[2.3]. Tại phiên tòa, ông H và bà Thu V xác định tại các giấy mượn nợ nêu trên là do ông H viết, ông H và bà V có ký, ghi họ tên và lấn tay vào các tờ giấy mượn nợ này.

Tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 có quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn, không lãi suất. Do đó cần buộc ông H, bà Thu V có trách nhiệm trả cho bà L, ông V1 số tiền 750.000.000 đồng là phù hợp.

[2.4]. Xét lời trình bày của Luật sư Trần Chí H bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Ông H, bà V không thừa nhận có vay của bà L số tiền 750.000.000 đồng mà cho rằng chỉ nợ bà L tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 500.000.000 đồng. Lời khai này của ông H, bà V không được bà L thừa nhận và ông H, bà V cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai này của mình là có cơ sở. Do đó ông H, bà V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được này.

Ông H, bà V không đồng ý yêu cầu của bà L, ông V1 yêu cầu trả số tiền 750.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho bà L ông V1 số tiền là 500.000.000 đồng nhưng trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hoàn cảnh hiện nay đang gặp khó khăn. Xét thấy lời trình bày này của ông H, bà V là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Hơn nữa số tiền này bị đơn vay đã lâu (năm 2016) do đó lý do xin trả chậm nêu trên chỉ nhằm mục đích kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại cho phía nguyên đơn.

Nếu ông H, bà V thực sự có khó khăn về kinh tế thì đến giai đoạn thi hành án, cơ quan Thi hành án sẽ xem xét sau.

Bà L, ông V1 xác định số tiền 750.000.000 đồng mà bà L cho ông H vay là tài sản chung của ông bà nên cần buộc ông H, bà V có trách nhiệm trả cho bà

L, ông V1 số tiền 750.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà L, ông V1 không yêu cầu trả lãi.

[2.6]. Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông H trả khoản tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà ông H đã vay vào ngày 29/6/2016.

[3]. Về án phí: Ông H, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V trả nợ vay.

Buộc ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Hồng V1 số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các “Giấy mượn nợ” ngày 4/6/2016, ngày 29/6/2016, ngày 01/10/2016, ngày 29/6/2016 giữa bà Lê Thị Kim L, ông Huỳnh Công H, bà Nguyễn Thu V không còn giá trị pháp lý.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Bà Lê Thị Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0030031 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu